

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 61)**

MÃ NGÀNH: 7520122
TÊN NGÀNH: KỸ THUẬT TÀU THỦY
TÊN CHUYÊN NGÀNH: ĐÓNG TÀU VÀ CÔNG TRÌNH NGOÀI KHƠI
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

HẢI PHÒNG - 2020

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 61)

Mã ngành: **7520122**

Tên ngành: **Kỹ thuật tàu thủy**

Tên chuyên ngành: **Đóng tàu và công trình ngoài khơi**

Trình độ: **Đại học chính quy**

Thời gian đào tạo: **4.5 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo Đóng tàu và công trình ngoài khơi (CTNK) đào tạo về thiết kế, thi công đóng mới, sửa chữa tàu và một số CTNK.

Mục tiêu của chương trình là cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế, lên kế hoạch tổ chức sản xuất, triển khai đóng và sửa chữa tàu thủy cũng như công trình ngoài khơi, và một số lĩnh vực cơ khí có liên quan.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

(B) Chuẩn kiểm định (yêu cầu về CĐR của tiêu chuẩn kiểm định liên quan)

- các ngành kỹ thuật đối sánh: ABET for engineering programs (3a-3k);

- các ngành máy tính đối sánh ABET for computing programs (3a-3i);

- các ngành Kinh tế-QTKD đối sánh: ACBSP (AC1, AC2, AC4);

- tất cả các ngành đối sánh AUN (AUI.1-AUI.4);

Liên thông: toàn trường (university--UN); nhóm ngành (Engineering--EN, Engineering Technology--ET, Econ-Business--EB, Computer Engineering--CE, Foreign Language--FL, Law--LA...); CĐR riêng của ngành (ghi mã ngành, ví dụ: Marine Engineering--MTT).

Một số chữ viết tắt:

CĐR – Chuẩn đầu ra;

CTĐT – Chương trình đào tạo;

TĐNL – Thang đo năng lực;

KHTN – Khoa học tự nhiên;

KHXH – Khoa học xã hội;

GDTC – Giáo dục thể chất;

GDQP-AN – Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Mã số	Nội dung	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT NGÀNH ĐÓNG TÀU VÀ CTNK	
	KIẾN THỨC CƠ BẢN (19)	
1.1	Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	
1.1.1	Toán cao cấp	3.0
1.1.2	Vật lý 1	3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH&NV, khoa học chính trị, pháp luật	
1.2.1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lê nin 1, 2	3.0
1.2.2	Pháp luật đại cương	3.0
1.2.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3.5
1.2.4	Đường lối cách mạng của Đảng	3.5
	KIẾN THỨC CƠ SỞ	
1.3	Kiến thức cơ sở các ngành kỹ thuật	
1.3.1	Hình họa – Vẽ kỹ thuật	3.0
1.3.2	Cơ lý thuyết	3.5
1.3.3	Sức bền vật liệu	3.0
1.3.4	Thực tập cơ khí	3.5
1.4	Kiến thức cơ sở ngành đóng tàu và CTNK	
1.4.1	Giới thiệu ngành đóng tàu	2.0
1.4.2	Vật liệu đóng tàu	3.0
1.4.3	Tĩnh học tàu thủy	3.5
1.4.4	Kết cấu tàu và CTBDD 1	3.0
1.4.5	Cơ kết cấu tàu thủy	3.0
1.4.6	Bố trí chung và kiến trúc tàu thủy	3.0
1.4.7	Hệ thống tàu thủy	3.0
1.4.8	Hệ động lực tàu thủy	3.0
1.4.9	Công nghệ đóng tàu và CTBDD 1	3.0
1.4.10	Thiết kế xưởng và NMĐT	3.0
1.4.11	Kỹ thuật đo và thử tàu	3.0
1.4.12	Thiết bị tàu và CTBDD 1	3.0

	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH ĐÓNG TÀU VÀ CTNK	
1.5	Kiến thức chuyên ngành	
1.5.1	Kết cấu tàu và CTBĐĐ 2	4.0
1.5.2	Tự động hóa trong đóng tàu	3.5
1.5.3	Sức bền - Chấn động	3.0
1.5.4	Thực tập kỹ thuật	3.5
1.5.5	Công nghệ sửa chữa tàu và CTBĐĐ	3.5
1.5.6	Công nghệ hàn tàu thủy	3.0
1.5.7	Công nghệ đóng tàu và CTBĐĐ 2	4.0
1.5.8	Khoa học quản lý trong đóng tàu	3.0
1.5.9	Thực tập tốt nghiệp	3.5
1.5.10	Đồ án tốt nghiệp (hoặc chuyên đề tốt nghiệp)	4.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT	
2.1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề	
2.1.1	<i>Xác định và nêu vấn đề</i>	4.0
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>	4.0
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả định và những nguồn định kiến</i>	4.0
2.1.2	<i>Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định</i>	3.5
2.1.2.1	<i>Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng</i>	3.5
2.1.2.2	<i>Phân tích các giới hạn và dự phòng</i>	4.0
2.1.3	<i>Các giải pháp và khuyến nghị</i>	3.0
2.1.3.1	<i>Xác định được các giải pháp</i>	3.0
2.1.3.2	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>	3.0
2.2	Tư duy tầm hệ thống	
2.2.1	<i>Tư duy toàn cục</i>	2.0
2.2.1.1	<i>Biết tư duy một cách hệ thống khi giải quyết một vấn đề phức tạp trong đóng tàu</i>	2.0
2.2.2	<i>Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung</i>	3.0
2.2.2.1	<i>Liệt kê được các công việc cần thực hiện để giải quyết một vấn đề phức tạp trong đóng tàu</i>	2.0
2.2.2.2	<i>Giải quyết một vấn đề phức tạp trong đóng tàu</i>	3.0
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập	
2.3.1	<i>Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt</i>	3.0

2.3.1.1	<i>Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả</i>	2.0
2.3.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng dũng cảm, và niềm đam mê</i>	3.0
2.3.1.3	<i>Cho thấy sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>	3.0
2.3.2	<i>Tư duy suy xét</i>	2.5
2.3.2.1	<i>Giải thích mục đích và phát biểu được vấn đề</i>	2.0
2.3.2.2	<i>Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>	3.0
2.3.3	<i>Học tập và rèn luyện suốt đời</i>	2.5
2.3.3.1	<i>Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>	2.0
2.3.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>	3.0
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	
2.4.1	<i>Đạo đức, liêm chính và các trách nhiệm khác</i>	3.0
2.4.1.1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>	3.0
2.4.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>	3.0
2.4.2	<i>Hành xử chuyên nghiệp</i>	3.0
2.4.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp, tính kỷ luật</i>	3.0
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Làm việc nhóm	
3.1.1	<i>Tổ chức nhóm hiệu quả</i>	3.0
3.1.1.1	<i>Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>	2.0
3.1.1.2	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>	3.0
3.1.2	<i>Hoạt động nhóm</i>	3.0
3.1.2.1	<i>Xác định các mục tiêu và công việc cần làm</i>	2.0
3.1.2.2	<i>Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả</i>	3.0
3.1.2.3	<i>Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)</i>	3.0
3.1.2.4	<i>Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả</i>	3.0
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	<i>Giao tiếp bằng văn bản</i>	3.0

3.2.1.1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>	3.0
3.2.1.2	<i>Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp</i>	3.0
3.2.1.3	<i>Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word</i>	3.5
3.2.2	<i>Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông</i>	3.0
3.2.2.1	<i>Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử</i>	3.0
3.2.2.2	<i>Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video</i>	3.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	
3.3.1	<i>Tiếng Anh (chuẩn đầu ra 450 TOEIC)</i>	3.5
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH CÁC QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾT CẤU TÀU, THI CÔNG ĐÓNG TÀU TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	
4.1	Bối cảnh bên ngoài xã hội	
4.1.1	<i>Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư đóng tàu</i>	2.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành đóng tàu</i>	2.0
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của kỹ sư đóng tàu đối với xã hội và một tương lai bền vững</i>	2.0
4.1.2	<i>Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu</i>	2.0
4.1.2.1	<i>Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống văn học, triết học và nghệ thuật của họ</i>	2.0
4.1.2.2	<i>Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>	2.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	
4.2.1	<i>Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau (ví dụ: văn hóa doanh nghiệp các Cty của Nhật, FPT VN, ...)</i>	2.0
4.2.1.1	<i>Xác định sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>	2.0
4.2.2	<i>Các bên liên quan (các công ty nhận svtn)</i>	2.0
4.2.2.1	<i>Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan (nơi cung cấp nơi thực tập)</i>	2.0
4.2.2.2	<i>Phân biệt các cơ quan đơn vị liên quan (nơi cung cấp nơi thực tập) và các đơn vị thụ hưởng (nơi tiếp nhận)</i>	2.0
4.2.3	<i>Làm việc trong các tổ chức (làm ở đâu trong tổ chức? Làm cái gì?)</i>	
4.2.3.1	<i>Xác định các vai trò và trách nhiệm khác nhau trong một tổ chức</i>	2.0
4.3	Hình thành ý tưởng về thiết kế hệ thống đóng tàu	

4.3.1	<i>Tìm hiểu các yêu cầu và thiết lập các mục tiêu của hệ thống đóng tàu</i>	2.0
4.3.1.1	<i>Biết nhu cầu của khách hàng và thị trường đóng tàu, xu hướng phát triển trong đóng tàu</i> <i>Biết cách thiết lập mục tiêu của hệ thống đóng tàu</i>	2.0
4.3.2	<i>Xác định chức năng, khái niệm và cấu trúc của hệ thống đóng tàu</i>	2.0
4.3.2.1	<i>Biết các chức năng cần thiết của các bộ phận trong hệ thống đóng tàu</i>	2.0
4.4	Thiết kế kỹ thuật tàu và CTNK	
4.4.1	<i>Quá trình thiết kế kỹ thuật</i>	2.0
4.4.1.1	<i>Biết quá trình thiết kế kỹ thuật</i>	2.0
4.4.2	<i>Các giai đoạn của quá trình thiết kế kỹ thuật</i>	2.0
4.4.2.1	<i>Xác định trình tự thiết kế kỹ thuật tàu thủy</i> <i>Mô tả nội dung một số phương pháp thiết kế</i>	2.0
4.4.3	<i>Vận dụng kiến thức trong thiết kế kỹ thuật</i>	4.0
4.4.3.1	<i>Hiểu và mô tả kết cấu tàu</i>	3.0
4.4.3.2	<i>Áp dụng tính toán thiết kế kết cấu cho con tàu cụ thể</i>	4.0
4.4.4	<i>Thiết kế chuyên ngành</i>	3.0
4.4.4.1	<i>Hiểu cách kết hợp kiến thức của một số môn học trong thiết kế chuyên ngành</i>	3.0
4.4.5	<i>Thiết kế mang tính đa ngành</i>	2.0
4.4.5.1	<i>Xác định sự tương tác với chuyên ngành Máy tàu thủy</i>	2.0
4.4.6	<i>Thiết kế đa mục tiêu</i>	3.0
4.4.6.1	<i>Nhận biết các hàm mục tiêu khi thiết kế</i>	2.0
4.4.6.2	<i>Thể hiện thiết kế đáp ứng bền vững, an toàn, kinh tế, vận hành, thẩm mỹ</i>	3.0
4.5	Triển khai thực hiện	
4.5.1	<i>Thiết kế phương án thi công trong đóng, sửa chữa tàu và CTNK</i>	4.0
4.5.1.1	<i>Xác định được điều kiện năng lực thi công tại NMĐT.</i> <i>Mô tả được hồ sơ thiết kế kỹ thuật của con tàu</i>	2.0

	<i>Xác định</i> được tiêu chuẩn thi công đóng, sửa chữa tàu và CTNK	
4.5.1.2	<i>Lựa chọn</i> được phương án thi công trong đóng mới và sửa chữa tàu và CTNK	3.0
4.5.1.3	<i>Áp dụng</i> lập phương án thi công cho một tàu tại NMĐT	4.0
4.5.2	<i>Lập quy trình đóng, sửa chữa tàu và CNTK (Cụ thể: Quy trình GCCT, LR & hàn cụm CT, PĐ, TĐ, Đầu đà)</i>	4.0
4.5.2.1	<i>Xác định</i> phương án công nghệ	2.0
4.5.2.2	<i>Thể hiện</i> nội dung các bước công nghệ	3.0
4.5.2.3	<i>Áp dụng</i> lập quy trình cho một tàu tại NMĐT	4.0
4.5.3	<i>Kiểm tra, nghiệm thu</i>	4.0
4.5.3.1	<i>Xác định</i> phương pháp kiểm tra, nghiệm thu	2.0
4.5.3.2	<i>Mô tả</i> nội dung phương pháp kiểm tra, nghiệm thu	3.0
4.5.3.3	<i>Áp dụng</i> kiểm tra nghiệm thu cho một sản phẩm cụ thể (chi tiết, cụm chi tiết, phân tông đoạn, con tàu)	4.0
4.5.4	<i>Quản lý nhà máy đóng, sửa chữa tàu</i>	3.0
4.5.4.1	<i>Mô tả</i> chức năng nhiệm vụ các bộ phận, các phân xưởng trong nhà máy đóng, sửa chữa tàu	2.0
4.5.4.2	<i>Làm rõ</i> mối liên quan hệ giữa các bộ phận, các phân xưởng trong nhà máy đóng, sửa chữa tàu	3.0

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TDNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Đóng tàu và công trình ngoài khơi có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- Kỹ sư chỉ đạo thi công tại các nhà máy đóng tàu.
- Kỹ sư giám sát chất lượng, tiến độ đóng tàu cho cơ quan đăng kiểm, cho chủ tàu, hoặc cho nhà máy đóng tàu.
- Kỹ sư thiết kế công nghệ tại các nhà máy đóng tàu, hoặc tại cơ quan thiết kế tàu.
- Các công việc kỹ thuật khác như: Quản lý kỹ thuật đội tàu tại các công ty vận tải thủy; Thẩm định giá con tàu tại các Công ty bảo hiểm; ...
- Học nâng cao thạc sỹ, tiến sỹ.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 150 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 20 TC.
- b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành: 52 TC.
- c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 42 TC.
- d. Tốt nghiệp: 6 TC.
- e. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 30 TC.

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước
1. Giới thiệu ngành Đóng tàu (23311-2TC)		1. Triết học Mác - Lê-nin (19101-3TC)	
2. Toán cao cấp (18124-4TC)		2. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Tin học trong đóng tàu (23316-3TC)	
II. Tự chọn:		II. Tự chọn:	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	

2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước
1. Kinh tế chính trị (19401-2TC)	19101	1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19401
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Tĩnh học tàu thủy (23103-4TC)	
3. Cơ chất lỏng (18404-3TC)	18124	3. ĐC về công trình ngoài khơi (23125-2TC)	
4. Vẽ tàu (23102-3TC)		4. Bố trí chung & kiến trúc TT (23116-2TC)	
5. Thực tập cơ khí (20101-2TC)		5. Cơ kết cấu tàu thủy (23201-4TC)	
II. Tự chọn:		II. Tự chọn:	
1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)		1. Gia công kỹ thuật số (22507-2TC)	
2. Vật liệu đóng tàu (22508-3TC)		2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
3. Nguyên lý máy (22628-3TC)		3. Công ước quốc tế trong ĐT (23121-2TC)	
4. Nhiệt kỹ thuật (12101-3TC)		4. Xác suất thống kê (18121-2TC)	1812 4
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)		2. Kết cấu tàu và CTBĐĐ 2 (23246-5TC)	23255
3. Thiết bị tàu thủy & CTBĐĐ 1 (23141-2TC)		3. Sức bền - Chấn động (23209-4TC)	
4. Hệ thống tàu thủy (23110-2TC)		4. Kỹ thuật đo và thử tàu (23307-2TC)	
5. Kết cấu tàu và CTBĐĐ 1 (23255-3TC)		5. Hệ động lực tàu thủy (12326-3TC)	
6. An toàn lao động trong ĐT (23256-2TC)		II. Tự chọn:	
II. Tự chọn:		1. Thiết bị năng lượng tàu thủy (12325-2TC)	
1. Tiếng Anh chuyên ngành ĐT (25405-3TC)		2. Luật và chính sách môi trường (26103-2TC)	
2. Dung sai - Kỹ thuật đo (22629-3TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 18 TC	Học trước
1. CN đóng tàu & CTBĐĐ 1 (23211-4TC)		1. Công nghệ đóng tàu & CTBĐĐ 2 (23236-5TC)	23211
2. Công nghệ hàn tàu (23216-4TC)		2. CN sửa chữa tàu & CTBĐĐ (23214-3TC)	
3. Tự động hóa trong đóng tàu 1 (23319-3TC)		3. Khoa học quản lý trong đóng tàu (23247-3TC)	
4. Thực tập kỹ thuật (23219-2TC)		4. Thiết kế xưởng và Nhà máy ĐT (23226-2TC)	
II. Tự chọn:		5. Tự động hóa trong đóng tàu 2 (23320-5TC)	23319
1. Tải trọng TD lên tàu và CTB (23321-3TC)		II. Tự chọn:	
2. Phương pháp tính trong ĐT (23314-3TC)		1. Lắp ráp hệ động lực tàu thủy (12327-2TC)	
3. Thiết bị đẩy tàu thủy 1 (23119-2TC)		2. Đặc điểm thiết kế thiết bị lặn (23145-2TC)	
4. Quản lý chất lượng (26246-2TC)			
HỌC KỲ 9			
I. Bắt buộc: 10 TC			
1. Thực tập tốt nghiệp (23238-4TC)		2. Đồ án tốt nghiệp (23222-6TC)	

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Đóng tàu và công trình ngoài khơi hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Kỹ sư ngành Kỹ thuật tàu thủy, chuyên ngành Đóng tàu và công trình ngoài khơi.